

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2006/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 03/1998/QĐ-NHNN3 ngày 03/01/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành “Quy chế về kiểm tra, kiểm toán nội bộ của các tổ chức tín dụng”.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Các ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**

Đặng Thanh Bình

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2006/QĐ-NHNN

ngày 01 tháng 8 năm 2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định việc thực hiện kiểm toán nội bộ tại các tổ chức tín dụng được thành lập, hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng (bao gồm cả các chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Kiểm toán nội bộ” là hoạt động kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các chính sách, thủ tục quy trình đã được thiết lập trong tổ chức tín dụng, thông qua đó đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ đưa ra các kiến nghị, tư vấn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống, các quy trình, quy định, góp phần đảm bảo tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

2. “Bộ phận kiểm toán nội bộ” là đơn vị chuyên trách thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng.

3. “Tổ chức tín dụng có quy mô nhỏ” là những tổ chức tín dụng có tổng số cán bộ dưới 30 người.

4. “Người điều hành” là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó tổng giám đốc (Phó giám đốc), trưởng, phó các đơn vị, các bộ phận điều hành, tác nghiệp của tổ chức tín dụng.

Điều 3. Mục tiêu của kiểm toán nội bộ

Mục tiêu và chức năng cơ bản của kiểm toán nội bộ bao gồm:

1. Đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các chính sách, thủ tục quy trình đã được thiết lập trong tổ chức tín dụng.
2. Kiểm tra, rà soát, đánh giá mức độ đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ, nhằm cải tiến và hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Nhằm thực hiện mục tiêu này, đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ được khuyến khích thực hiện hoạt động tư vấn, tham gia vào quá trình xây dựng, cải tiến và hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ với điều kiện không được vi phạm nguyên tắc độc lập, khách quan được quy định tại Quy chế này.

Điều 4. Các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán nội bộ

1. Tính độc lập: bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập với các đơn vị, các bộ phận điều hành, tác nghiệp của tổ chức tín dụng; hoạt động kiểm toán nội bộ độc lập với các hoạt động điều hành, tác nghiệp của tổ chức tín dụng.
2. Tính khách quan: bộ phận kiểm toán nội bộ, kiểm toán viên nội bộ phải đảm bảo tính khách quan, trung thực, công bằng, không định kiến khi thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ.
3. Tính chuyên nghiệp: kiểm toán viên nội bộ phải là người có kiến thức, trình độ và kỹ năng kiểm toán nội bộ cần thiết, không kiêm nhiệm các cương vị, các công việc chuyên môn khác của tổ chức tín dụng.

Điều 5. Các yêu cầu nhằm đảm bảo tính độc lập và khách quan

1. Kiểm toán viên nội bộ phải có thái độ công bằng, không định kiến và tránh mọi xung đột lợi ích. Mỗi kiểm toán viên nội bộ có quyền và nghĩa vụ báo cáo về mọi vấn đề có thể ảnh hưởng đến tính độc lập và khách quan của mình trước và trong khi thực hiện công việc kiểm toán nội bộ được giao cho Trưởng Kiểm toán nội bộ.
2. Trưởng Kiểm toán nội bộ phải nắm vững, theo dõi và đảm bảo tính độc lập và khách quan của các kiểm toán viên nội bộ. Trường hợp tính độc lập hoặc khách quan bị ảnh hưởng hoặc có thể bị ảnh hưởng, Trưởng Kiểm toán nội bộ phải báo cáo cho Ban Kiểm soát.
3. Trong công tác kiểm toán nội bộ, tổ chức tín dụng phải quán triệt thực hiện theo các nguyên tắc, quy định dưới đây nhằm đảm bảo tính độc lập và khách quan, ngăn ngừa sự thiếu công bằng, định kiến và các xung đột lợi ích:

a) Hạn chế tối đa việc kiểm toán viên nội bộ tham gia kiểm toán các hoạt động, các bộ phận mà kiểm toán viên đó chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động hoặc quản lý bộ phận đó trong vòng 03 (ba) năm trước đây.

b) Kiểm toán viên nội bộ không thực hiện kiểm toán đối với một quy trình mà kiểm toán viên này là người chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng quy trình đó.

c) Đảm bảo kiểm toán viên nội bộ không có những xung đột quyền lợi với đơn vị, bộ phận được kiểm toán; kiểm toán viên nội bộ không được thực hiện kiểm toán đối với đơn vị, bộ phận mà người điều hành đơn vị, bộ phận đó là người thân của kiểm toán viên nội bộ. Người thân của kiểm toán viên nội bộ trong trường hợp này được hiểu là bố (mẹ) đẻ, bố (mẹ) vợ (chồng), bố (mẹ) nuôi, vợ (chồng), con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột của kiểm toán viên đó và vợ chồng của những người này.

d) Thực hiện luân chuyển kiểm toán viên nội bộ, không để một kiểm toán viên nội bộ thực hiện kiểm toán một đơn vị, bộ phận cụ thể trong nhiều năm liên tục.

đ) Cần có biện pháp kiểm tra nhằm đảm bảo tính độc lập và khách quan của công tác kiểm toán nội bộ ngay trong quá trình thực hiện kiểm toán tại đơn vị, bộ phận được kiểm toán và trong giai đoạn lập, gửi báo cáo kiểm toán.

e) Các ghi nhận kiểm toán trong báo cáo kiểm toán nội bộ phải được phân tích cẩn trọng và dựa trên cơ sở các dữ liệu, thông tin thu thập được để đảm bảo tính khách quan.

f) Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Kiểm toán nội bộ phải được Ban Kiểm soát thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá.

Điều 6. Phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ

1. Phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ là phương pháp kiểm toán “định hướng theo rủi ro”, ưu tiên tập trung nguồn lực để kiểm toán các đơn vị, bộ phận, quy trình được đánh giá có mức độ rủi ro cao.

2. Kiểm toán nội bộ phải xác định, phân tích, đánh giá những rủi ro và xây dựng hồ sơ rủi ro cho từng hoạt động của tổ chức tín dụng. Hồ sơ rủi ro bao gồm toàn bộ các rủi ro tiềm tàng, tác động có thể có của các rủi ro đó đối với hoạt động của tổ chức tín dụng và khả năng xảy ra những rủi ro đó. Dựa trên đánh giá về tác động, khả năng xảy ra của các rủi ro; từng rủi ro được phân loại thành rủi ro cao, trung

bình hoặc thấp. Việc đánh giá, phân loại rủi ro phải được thực hiện ít nhất một năm một lần.

3. Kết quả đánh giá rủi ro sẽ là căn cứ để Trường Kiểm toán nội bộ làm việc với Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị trong quá trình lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm. Các rủi ro sẽ được xếp hạng theo thứ tự từ cao đến thấp, trong đó những hoạt động được coi là có rủi ro cao sẽ được ưu tiên tập trung nhiều nguồn lực, thời gian hơn để kiểm toán, được kiểm toán trước và được kiểm toán thường xuyên hơn các hoạt động có rủi ro thấp hơn.

4. Kế hoạch kiểm toán nội bộ phải được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá rủi ro và phải được cập nhật, thay đổi, điều chỉnh phù hợp với các diễn biến, thay đổi trong hoạt động của tổ chức tín dụng và sự thay đổi của các rủi ro đi kèm theo.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC 1

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 7. Bộ máy của kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát.

2. Căn cứ quy mô, mức độ và đặc điểm hoạt động của tổ chức tín dụng và trên cơ sở đề nghị của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị quyết định về tổ chức bộ máy của kiểm toán nội bộ, chế độ lương, thưởng, phụ cấp trách nhiệm của người làm công tác kiểm toán nội bộ.

3. Tổ chức tín dụng được thuê các chuyên gia, tổ chức bên ngoài có đủ khả năng, năng lực, trình độ để thực hiện một phần công việc kiểm toán nội bộ đối với những hoạt động mà bộ phận kiểm toán nội bộ chưa đủ khả năng thực hiện kiểm toán với điều kiện đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, quy định tại Quy chế này.

4. Kiểm toán nội bộ của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng có quy mô nhỏ có thể do bộ phận kiểm toán nội bộ của hội sở chính hoặc hội sở khu vực đảm nhiệm (đối với chi nhánh ngân hàng

nước ngoài), hoặc do các tổ chức bên ngoài, các tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện với điều kiện phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, quy định tại Quy chế này.

Điều 8. Tiêu chuẩn đối với người làm công tác kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán viên nội bộ phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

- a) Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật và sự nhìn nhận khách quan;
- b) Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật, về quản trị kinh doanh và các nghiệp vụ ngân hàng;
- c) Có bằng cử nhân các chuyên ngành phù hợp, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ;
- d) Có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin;
- đ) Có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ;
- e) Các tiêu chuẩn khác do tổ chức tín dụng quy định.

2. Ngoài các điều kiện tiêu chuẩn nói trên, Trưởng Kiểm toán nội bộ và Phó trưởng Kiểm toán nội bộ tối thiểu phải có bằng cử nhân thuộc các chuyên ngành ngân hàng, kinh tế, tài chính và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng tối thiểu là 03 (ba) năm.

Điều 9. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của kiểm toán nội bộ

1. Người đứng đầu bộ máy kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng (gọi tắt là Trưởng Kiểm toán nội bộ) do Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát; hoặc do người có thẩm quyền của ngân hàng mẹ bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Phó trưởng Kiểm toán nội bộ và các chức danh khác của kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Kiểm toán nội bộ; hoặc do Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Kiểm toán nội bộ.

Điều 10. Phạm vi kiểm toán nội bộ

1. Phạm vi của kiểm toán nội bộ bao gồm:

- a) Kiểm toán tất cả các hoạt động, các quy trình nghiệp vụ và các đơn vị, bộ phận của tổ chức tín dụng.

b) Kiểm toán đặc biệt và tư vấn theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

2. Kiểm toán nội bộ cần đảm bảo tính độc lập, khách quan khi kiểm toán các hoạt động, các quy trình, bộ phận mà trước đây kiểm toán nội bộ đã có tư vấn. Trong trường hợp này, trách nhiệm đối với các hoạt động, các quy trình, bộ phận đã được kiểm toán nội bộ tư vấn trước đây vẫn hoàn toàn thuộc về lãnh đạo đơn vị, bộ phận được kiểm toán. Kiểm toán nội bộ có quyền và nghĩa vụ phân tích và đánh giá đầy đủ về các thủ tục, quy trình, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ đã được lãnh đạo của đơn vị, bộ phận được kiểm toán thiết lập, cho dù kiểm toán nội bộ trước đây đã có tư vấn cho lãnh đạo của đơn vị, bộ phận này.

Điều 11. Nội dung hoạt động của kiểm toán nội bộ

Nội dung chính của hoạt động kiểm toán nội bộ là kiểm tra, đánh giá tính đầy đủ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Tùy theo quy mô, mức độ rủi ro cũng như yêu cầu cụ thể của từng tổ chức tín dụng, kiểm toán nội bộ có thể rà soát, đánh giá những nội dung sau:

1. Mức độ đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.
2. Việc áp dụng, tính hiệu lực, hiệu quả của các quy trình nhận dạng, phương pháp đo lường và quản lý rủi ro, phương pháp đánh giá vốn.
3. Hệ thống thông tin quản lý và hệ thống thông tin tài chính, bao gồm cả hệ thống thông tin điện tử và dịch vụ ngân hàng điện tử.
4. Tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và mức độ chính xác của hệ thống hạch toán kế toán và các báo cáo tài chính.
5. Cơ chế đảm bảo sự tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, các quy định nội bộ, các quy trình, quy tắc tác nghiệp, quy tắc đạo đức nghề nghiệp.
6. Cơ chế, quy định, quy trình quản trị, điều hành, tác nghiệp của tổ chức tín dụng.
7. Các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản.
8. Đánh giá tính kinh tế và hiệu quả của các hoạt động, tính kinh tế và hiệu quả của việc sử dụng các nguồn lực, qua đó xác định mức độ phù hợp giữa kết quả hoạt động đạt được và mục tiêu hoạt động đề ra.
9. Thực hiện các nội dung khác có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ, theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, của Hội đồng quản trị.

MỤC 2

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 12. Nhiệm vụ của Bộ phận kiểm toán nội bộ

1. Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và thực hiện các hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch, các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

2. Kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, các hoạt động của tổ chức tín dụng (cơ chế, chính sách, thủ tục, qui trình hoặc các vấn đề trong hoạt động) dựa trên mức độ rủi ro (cao, trung bình hoặc thấp) và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức tín dụng. Đối với tất cả những vấn đề có thể có ảnh hưởng xấu đến hoạt động của tổ chức tín dụng, kiểm toán nội bộ cần thông báo kịp thời về bản chất và ảnh hưởng của chúng đối với hoạt động của tổ chức tín dụng và đưa ra những khuyến nghị thiết thực nhằm ngăn ngừa, khắc phục những vấn đề này.

3. Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; kiến nghị xử lý những vi phạm; đề xuất các biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

4. Đánh giá mức độ phù hợp của các hoạt động nhằm ngăn ngừa, khắc phục những điểm yếu đã được báo cáo; các hoạt động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; và theo dõi cho đến khi các vấn đề này được xử lý thỏa đáng.

5. Lập báo cáo kiểm toán; thông báo và đệ trình kịp thời các kết quả kiểm toán nội bộ cho các bên hữu quan trong và ngoài tổ chức tín dụng theo đúng các chính sách, quy trình, quy định của tổ chức tín dụng và theo pháp luật.

6. Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của hoạt động ngân hàng.

7. Thực hiện quy trình đảm bảo chất lượng công tác kiểm toán nội bộ.

8. Thiết lập hồ sơ về trình độ năng lực và các yêu cầu cần thiết đối với kiểm toán viên nội bộ để làm cơ sở tuyển dụng, đề bạt, luân chuyển cán bộ và bồi dưỡng

chuyên môn nghiệp vụ; Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo một cách liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên nội bộ.

9. Duy trì việc tham vấn, trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả; là đơn vị điều phối, phối hợp với các cơ quan bên ngoài đối với những công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ.

10. Tư vấn cho Người điều hành, Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng và các bộ phận nghiệp vụ thực hiện các dự án xây dựng, áp dụng mới hay sửa đổi những quy trình nghiệp vụ quan trọng; cơ chế quản trị, điều hành; quy trình nhận dạng, đo lường đánh giá rủi ro, quản lý rủi ro, phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin, hạch toán, kế toán; thực hiện các nghiệp vụ, sản phẩm mới với điều kiện không ảnh hưởng tới tính độc lập của kiểm toán nội bộ.

Điều 13. Quyền hạn của Bộ phận kiểm toán nội bộ

1. Được trang bị đầy đủ các nguồn lực (nhân lực, tài chính và các phương tiện khác) cần thiết.

2. Được chủ động thực hiện các nhiệm vụ của mình theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.

3. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công tác kiểm toán nội bộ.

4. Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, các tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ.

5. Được tiếp cận, phỏng vấn tất cả các cán bộ, nhân viên của tổ chức tín dụng về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán.

6. Được tham dự và được nhận các biên bản họp của ban lãnh đạo có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ.

7. Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các đơn vị, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị.

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ phận kiểm toán nội bộ

1. Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành, quy định của Quy chế này, của Điều lệ và của Quy chế nội bộ về kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng.

2. Chịu trách nhiệm trước Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị về kết quả công việc kiểm toán nội bộ; về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ.

3. Theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các đơn vị, bộ phận thuộc tổ chức tín dụng.

MỤC 3

CHÍNH SÁCH VÀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 15. Chính sách và quy trình kiểm toán nội bộ

1. Chính sách kiểm toán nội bộ là căn cứ, cơ sở và hướng dẫn chính thức cho công tác kiểm toán nội bộ và cho từng kiểm toán viên nội bộ. Chính sách kiểm toán nội bộ bao gồm Quy chế nội bộ về kiểm toán nội bộ, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp, các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động kiểm toán nội bộ, quy trình kiểm toán nội bộ và các quy định có liên quan.

2. Quy chế nội bộ về kiểm toán nội bộ cần khái quát được tôn chỉ, mục đích, phạm vi hoạt động, vị trí, quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ trong tổ chức tín dụng và mối quan hệ với các đơn vị, bộ phận khác; trong đó có các yêu cầu về tính độc lập, khách quan, các nguyên tắc cơ bản, yêu cầu về trình độ chuyên môn và việc đảm bảo chất lượng của kiểm toán nội bộ. Quy chế nội bộ về kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng được xây dựng trên cơ sở phù hợp với các quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Quy trình kiểm toán nội bộ quy định các quy trình và hướng dẫn chi tiết về phương thức đánh giá rủi ro, lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, kế hoạch từng cuộc kiểm toán, cách thức thực hiện công việc kiểm toán, lập và gửi báo cáo kiểm toán, lưu giữ hồ sơ, tài liệu kiểm toán nội bộ. Quy trình kiểm toán nội bộ có thể được quy định tại Quy chế nội bộ về kiểm toán nội bộ.

4. Trên cơ sở các quy định tại Quy chế này, các tổ chức tín dụng phải xây dựng chính sách và quy trình kiểm toán nội bộ cụ thể phù hợp với đặc thù hoạt động của tổ chức tín dụng. Các tổ chức tín dụng được khuyến khích áp dụng các thông lệ quốc tế về kiểm toán nội bộ nếu không có mâu thuẫn với các quy định tại Quy chế này.

Điều 16. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

1. Tổ chức tín dụng phải xây dựng bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và đảm bảo duy trì quy tắc đạo đức nghề nghiệp nhằm phát huy văn hóa đạo đức nghề nghiệp trong toàn bộ tổ chức tín dụng nói chung, và trong việc thực hiện công tác kiểm toán nội bộ nói riêng. Mọi kiểm toán viên nội bộ đều phải đảm bảo thực hiện đúng các quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hiện công tác kiểm toán nội bộ và tư vấn.

2. Các kiểm toán viên nội bộ phải thực hiện và duy trì các quy tắc đạo đức nghề nghiệp tối thiểu sau đây:

a) Trung thực: kiểm toán viên nội bộ phải thực hiện công việc của mình một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm; tuân thủ luật pháp và thực hiện các nội dung công việc công khai theo qui định của pháp luật và nghề nghiệp; không chủ tâm liên can đến bất kỳ hoạt động bất hợp pháp nào, hoặc tham gia những hoạt động gây mất uy tín đối với nghề nghiệp kiểm toán nội bộ hoặc đối với tổ chức tín dụng; luôn tôn trọng và phấn đấu đóng góp có hiệu quả cho những mục tiêu chính đáng và hợp pháp của tổ chức tín dụng.

b) Khách quan: kiểm toán viên nội bộ phải thể hiện tính khách quan nghề nghiệp ở mức độ cao nhất trong quá trình thu thập, đánh giá và truyền đạt thông tin về hoạt động hoặc các quy trình, hệ thống đã hoặc đang được kiểm toán. Kiểm toán viên nội bộ cần đưa ra đánh giá một cách công bằng về tất cả các vấn đề liên quan và không bị chi phối bởi mục tiêu quyền lợi riêng hoặc bởi bất kỳ ai khác khi đưa ra nhận xét, đánh giá của mình.

c) Bảo mật: kiểm toán viên nội bộ cần tôn trọng giá trị và quyền sở hữu của thông tin nhận được, không được tiết lộ thông tin mà không có ủy quyền hợp lệ trừ khi có nghĩa vụ phải tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.

d) Trách nhiệm: kiểm toán viên nội bộ phải luôn có ý thức trách nhiệm cao, phấn đấu học hỏi, áp dụng các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm có được để thực hiện công việc kiểm toán nội bộ một cách hiệu quả nhất.

3. Trường Kiểm toán nội bộ phải có biện pháp theo dõi, đánh giá, quản lý nhằm đảm bảo các kiểm toán viên nội bộ tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp.

Điều 17. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm

1. Căn cứ quy mô, sự tăng trưởng, mức độ rủi ro của các hoạt động và nguồn lực

(nhân lực, tài chính,...) hiện có, Trưởng Kiểm toán nội bộ xây dựng kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm.

2. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm của tổ chức tín dụng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Định hướng theo mức độ rủi ro: những nghiệp vụ và các đơn vị, bộ phận điều hành, tác nghiệp có rủi ro cao phải được kiểm toán ít nhất mỗi năm một lần;

b) Đảm bảo tính toàn diện: tất cả các quy trình nghiệp vụ, các đơn vị, bộ phận điều hành, tác nghiệp của tổ chức tín dụng đều được kiểm toán; các quy trình, đơn vị, bộ phận được đánh giá là có rủi ro thấp nhất nhìn chung cũng phải được kiểm toán năm (05) năm một lần.

c) Phải dự phòng quỹ thời gian đủ để thực hiện được các cuộc kiểm toán đột xuất ngay khi có yêu cầu của Ban Kiểm soát, hoặc khi có các thông tin về dấu hiệu sai phạm, dấu hiệu rủi ro cao ở các đối tượng kiểm toán.

d) Có thể được điều chỉnh khi có thay đổi cơ bản về quy mô hoạt động, diễn biến rủi ro hay nguồn lực hiện có.

3. Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, kế hoạch kiểm toán nội bộ cho năm tới phải được gửi cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng; Trước ngày 31 tháng 12, Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng phải gửi kế hoạch kiểm toán này cho Ngân hàng Nhà nước (Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Vụ Các ngân hàng).

Điều 18. Phê duyệt chính sách, quy trình, và kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm

1. Chính sách kiểm toán nội bộ trong đó có Quy chế nội bộ về kiểm toán nội bộ được Hội đồng quản trị thảo luận với Tổng giám đốc (Giám đốc), Ban Kiểm soát và do Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng phê duyệt và ký ban hành.

2. Chính sách kiểm toán nội bộ sau khi phê duyệt phải được gửi cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Các Ngân hàng) để biết và theo dõi. Ngân hàng Nhà nước có quyền có ý kiến góp ý hoặc yêu cầu sửa đổi nội dung chính sách này nếu chưa đáp ứng các quy định tại Quy chế này.

3. Quy trình kiểm toán nội bộ (trong trường hợp được ban hành riêng, không nằm trong Quy chế nội bộ về kiểm toán nội bộ), kế hoạch kiểm toán nội bộ được Ban Kiểm soát thảo luận với Tổng giám đốc (Giám đốc) và do Trưởng Ban Kiểm soát phê duyệt sau khi báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 19. Thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm

Trường Kiểm toán nội bộ tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và các cuộc kiểm toán đột xuất đặc biệt theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Phạm vi, chu kỳ và phương pháp kiểm toán, quy trình kiểm toán phải đảm bảo kết quả kiểm toán phản ánh đúng thực trạng của các nội dung được kiểm toán.

MỤC 4**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ LƯU GIỮ HỒ SƠ,
TÀI LIỆU KIỂM TOÁN NỘI BỘ****Điều 20. Báo cáo kiểm toán**

1. Bộ phận kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng phải kịp thời lập, hoàn thành và gửi báo cáo kiểm toán cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và đơn vị, bộ phận được kiểm toán trong thời hạn tối đa không quá 1 tháng, kể từ ngày kết thúc mỗi cuộc kiểm toán.

2. Báo cáo kiểm toán phải trình bày rõ: nội dung kiểm toán, phạm vi kiểm toán; những đánh giá, kết luận về nội dung đã được kiểm toán và cơ sở đưa ra các ý kiến này; các yếu kém, tồn tại, các sai sót, vi phạm, các ý kiến giải trình của đối tượng kiểm toán; kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và xử lý vi phạm; đề xuất các biện pháp hợp lý hóa, cải tiến quy trình nghiệp vụ; hoàn thiện cơ chế quản lý rủi ro, cơ cấu tổ chức của tổ chức tín dụng (nếu có).

3. Báo cáo kiểm toán cần có ý kiến của ban lãnh đạo đơn vị, bộ phận được kiểm toán. Trong trường hợp đơn vị được kiểm toán không thống nhất với kết quả kiểm toán, báo cáo kiểm toán nội bộ cần nêu rõ ý kiến không thống nhất của đơn vị và lý do.

Điều 21. Báo cáo đột xuất

Trường Kiểm toán nội bộ báo cáo đột xuất theo quy định sau:

1. Báo cáo ngay cho Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) nếu phát hiện các sai phạm nghiêm trọng hoặc khi nhận thấy có những nguy cơ rủi ro cao có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động của tổ chức tín dụng.

2. Thông báo kịp thời cho Người điều hành đơn vị có hoạt động được kiểm toán nếu các tồn tại nêu trong báo cáo kiểm toán không được sửa chữa và khắc phục kịp thời sau một khoảng thời gian thích hợp.

3. Sau khi đã thông báo cho Người điều hành đơn vị có hoạt động được kiểm toán theo Khoản 2 Điều này, nếu các tồn tại vẫn chưa được sửa chữa và khắc phục, phải báo cáo kịp thời bằng văn bản cho Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng.

Điều 22. Báo cáo kiểm toán thường niên

1. Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Trưởng Kiểm toán nội bộ phải gửi báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ của năm trước cho Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc). Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ của năm trước phải nêu rõ: kế hoạch kiểm toán đã đề ra; công việc kiểm toán đã được thực hiện; các tồn tại, các sai phạm lớn đã được phát hiện; các biện pháp mà kiểm toán nội bộ đã kiến nghị sửa chữa và khắc phục các tồn tại, sai phạm; đánh giá về hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ liên quan đến các hoạt động được kiểm toán và các đề xuất nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; tình hình thực hiện các biện pháp, kiến nghị, đề xuất của kiểm toán nội bộ.

2. Chậm nhất sau 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng phải gửi báo cáo tổng hợp về kết quả thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ của năm trước với những nội dung như quy định tại Khoản 1 Điều này cho Ngân hàng Nhà nước (Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Vụ Các ngân hàng).

Điều 23. Lưu giữ hồ sơ, tài liệu kiểm toán nội bộ

1. Các báo cáo kiểm toán và hồ sơ, tài liệu kiểm toán phải được lưu giữ tại bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ, tài liệu trong mỗi cuộc kiểm toán phải được ghi chép thành văn bản, lưu giữ theo trình tự để các cá nhân, tổ chức có thẩm quyền khai thác (có trình độ chuyên môn và hiểu biết về hoạt động ngân hàng) có thể hiểu được các công việc, kết quả thực hiện cuộc kiểm toán.

MỤC 5

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 24. Quy trình đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ

Tổ chức tín dụng phải có quy trình theo dõi và đánh giá chất lượng của công tác

kiểm toán nội bộ. Quy trình này bao gồm việc đánh giá nội bộ và đánh giá độc lập. Cụ thể quy trình này bao gồm:

1. Đánh giá nội bộ là việc tự đánh giá lại hoạt động kiểm toán nội bộ vào cuối cuộc kiểm toán, và việc tự đánh giá lại hàng năm về tổng thể hoạt động kiểm toán nội bộ do chính bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng của hoạt động kiểm toán nội bộ. Kết quả đánh giá nội bộ hàng năm phải được báo cáo cho Ban Kiểm soát và được ghi nhận trong Báo cáo kiểm toán nội bộ thường niên.

2. Đánh giá độc lập là việc đánh giá hàng năm về chất lượng hoạt động của kiểm toán nội bộ do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Kết quả đánh giá độc lập về chất lượng kiểm toán nội bộ phải được tổ chức kiểm toán độc lập ghi nhận trong Báo cáo thường niên của tổ chức tín dụng.

MỤC 6

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Điều 25. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Rà soát, phê duyệt chính sách, phương pháp kiểm toán nội bộ; thông qua quy trình, kế hoạch kiểm toán nội bộ. Căn cứ các quy định của pháp luật và Quy chế này, ban hành Quy chế nội bộ về kiểm toán nội bộ của đơn vị mình, trong đó phải có quy định về mục tiêu, nhiệm vụ, vị thế, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ báo cáo, mối quan hệ với các bộ phận khác của tổ chức tín dụng, trách nhiệm, quyền hạn của Trưởng Kiểm toán nội bộ; các nguyên tắc, yêu cầu cơ bản của kiểm toán nội bộ và của báo cáo kiểm toán nội bộ.

2. Quyết định về tổ chức bộ máy của kiểm toán nội bộ; bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng Kiểm toán nội bộ trên cơ sở đề nghị của Ban Kiểm soát.

3. Trang bị đủ các nguồn lực (nhân lực, tài chính và các phương tiện khác) và tạo điều kiện thuận lợi để đảm bảo cho Bộ phận kiểm toán nội bộ hoàn thành các nhiệm vụ quy định tại Quy chế này.

4. Quyết định việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nội bộ; Đôn đốc, theo dõi các đơn vị nghiệp vụ thực hiện kiến nghị của kiểm toán nội bộ, có biện pháp xử lý kịp thời khi có các báo cáo nêu tại Điều 20, Điều 22 Quy chế này hoặc khi có các kiến nghị, đề xuất của Trưởng Ban kiểm soát, Trưởng Kiểm toán nội bộ.

5. Quyết định chế độ tài chính, cơ chế tiền lương, thưởng, phụ cấp cho Bộ phận kiểm toán nội bộ và cán bộ của Bộ phận này theo thẩm quyền.

Điều 26. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát tổ chức tín dụng có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động của Bộ phận kiểm toán nội bộ.

2. Rà soát, kiểm tra, đánh giá để đảm bảo tính hiệu quả của công tác kiểm toán nội bộ; chịu trách nhiệm chính về việc đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ.

3. Đảm bảo công tác kiểm toán nội bộ có vị trí thích hợp trong tổ chức tín dụng và không có các trở ngại bất hợp lý đối với hoạt động kiểm toán nội bộ.

4. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thường xuyên hoàn thiện phương pháp, chính sách kiểm toán nội bộ trình Hội đồng quản trị quyết định.

5. Phê duyệt quy trình kiểm toán nội bộ; phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm theo đề nghị của Trưởng Kiểm toán nội bộ, đảm bảo kế hoạch kiểm toán nội bộ được định hướng theo rủi ro.

6. Đảm bảo phối hợp có hiệu quả với kiểm toán độc lập và Thanh tra Ngân hàng Nhà nước.

7. Xem xét, đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng Kiểm toán nội bộ.

8. Thực hiện báo cáo trực tiếp lên mọi cơ quan, mọi cấp trong tổ chức tín dụng và ngoài tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật và quy định của tổ chức tín dụng; Thực hiện gửi các báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Quy chế này.

Điều 27. Trách nhiệm của Trưởng Kiểm toán nội bộ

1. Xây dựng kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm trình Ban Kiểm soát phê duyệt.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ đã được Ban Kiểm soát phê duyệt và những cuộc kiểm toán đột xuất do Ban Kiểm soát giao.

3. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thường xuyên hoàn thiện phương pháp, chính sách, quy trình kiểm toán nội bộ trình Ban Kiểm soát.

4. Đảm bảo nhân viên kiểm toán nội bộ được đào tạo thường xuyên, có đủ trình độ, năng lực chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ.

5. Điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ, trình Ban Kiểm soát phê duyệt.
6. Đề nghị trung tập người ở các bộ phận khác của tổ chức tín dụng tham gia các cuộc kiểm toán nội bộ khi cần thiết, với điều kiện đảm bảo tính độc lập của kiểm toán nội bộ.
7. Dự các cuộc họp của Ban lãnh đạo theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng và quy định của Quy chế này.
8. Báo cáo Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) khi phát hiện các vấn đề yếu kém, tồn tại, các sai phạm của hệ thống kiểm tra, kiểm soát và của Người điều hành.
9. Theo dõi việc thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán; Lập và gửi các báo cáo theo quy định tại Quy chế này.

Điều 28. Trách nhiệm của Tổng giám đốc (Giám đốc)

1. Tạo điều kiện thuận lợi để Bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ được giao và chỉ đạo các đơn vị, các bộ phận điều hành, tác nghiệp thực hiện phối hợp công tác với Bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của Quy chế nội bộ về kiểm toán nội bộ hoặc theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị.
2. Đôn đốc các đơn vị, các bộ phận điều hành, tác nghiệp thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với Bộ phận kiểm toán nội bộ hoặc theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị.
3. Thông báo kịp thời cho Bộ phận kiểm toán nội bộ về mọi trường hợp bị thua lỗ, thất thoát hay gian lận đáng kể, các trường hợp có nguy cơ xảy ra rủi ro, thua lỗ, thất thoát, gian lận.
4. Đảm bảo Bộ phận kiểm toán nội bộ được thông báo đầy đủ về các thay đổi, những vấn đề phát sinh mới trong hoạt động của tổ chức tín dụng, các sáng kiến, sản phẩm mới nhằm xác định sớm những rủi ro liên quan.

Điều 29. Trách nhiệm của các đơn vị, bộ phận điều hành, tác nghiệp

1. Cung cấp tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công việc của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Bộ phận kiểm toán nội bộ;
2. Thông báo ngay cho Bộ phận kiểm toán nội bộ khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản (hoặc nguy cơ thất thoát tài sản), hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị mình;

3. Thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với Bộ phận kiểm toán nội bộ và/hoặc theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

MỤC 7

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Điều 30. Trách nhiệm của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước

1. Thực hiện thanh tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng theo các quy định tại Quy chế này.

2. Định kỳ hàng năm đánh giá hiệu quả hoạt động kiểm toán nội bộ của các tổ chức tín dụng, tăng cường tham vấn, phối hợp với Bộ phận kiểm toán nội bộ của các tổ chức tín dụng nhằm nâng cao hiệu quả của công tác kiểm toán nội bộ và công tác thanh tra, giám sát các tổ chức tín dụng.

3. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các trường hợp vi phạm các quy định tại Quy chế này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 31. Trách nhiệm của Vụ Các ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng

1. Nghiên cứu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, sửa đổi bổ sung những quy định về kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng tại Quy chế này.

2. Hướng dẫn các tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thực hiện Quy chế này.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, các tổ chức tín dụng phải thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ; xây dựng, ban hành và gửi Quy chế nội bộ về kiểm toán nội bộ cho Ngân hàng Nhà nước (Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Vụ Các ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng có phần đặt trụ sở chính (riêng Quỹ tín dụng nhân

dân cơ sở chỉ phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố) để đăng ký và phục vụ công tác thanh tra, giám sát.

Điều 33. Mọi tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật./.

**KT. THÔNG ĐỌC
PHÓ THÔNG ĐỌC**

Đặng Thanh Bình

Văn phòng Chính phủ xuất bản

Điện thoại: 04.8233947; 04.8231182

Fax: 08044517

Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng